

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC - TCHCSN

Khánh Hòa, ngày tháng 7 năm 2025

V/v triển khai xây dựng dự toán
ngân sách nhà nước năm 2026 và
kế hoạch tài chính - ngân sách
nhà nước 03 năm 2026-2028

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
(gồm Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh);
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội khu vực XXIV;
- Thuế tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục Hải quan khu vực XIII;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Ngày 25/6/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2025/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028. Vì vậy, để triển khai công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2026, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính để thực hiện. Ngoài ra, Sở Tài chính lưu ý một số nội dung như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2025

1. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2025

Đánh giá việc thực hiện dự toán được giao hoặc dự toán xác định lại sau điều chỉnh, sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Thực hiện rà soát, đánh giá, phân tích các tác động, nguyên nhân khách quan, chủ quan đến tăng, giảm từng chỉ tiêu thu NSNN năm 2025. Trong đó, tập trung phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật; đánh giá công tác đôn đốc, thu hồi và xử lý nợ thuế trong 6 tháng đầu

năm 2025; dự kiến các tháng cuối năm 2025 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2025. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp.

Đánh giá tình hình thu ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); nhất là xử lý các tài sản công dôi dư sau quá trình sắp xếp bộ máy; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai.

Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí; tình hình thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu, thu tiền đấu giá biển số xe và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2025.

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi năm 2025

2.1. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

- Báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu có) hoặc dự toán xác định lại theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khó khăn, kiến nghị (nếu có).

- Báo cáo khả năng thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2025 của địa phương sau sáp nhập, theo từng lĩnh vực chi, trong đó báo cáo rõ số phân bổ cho các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; xây dựng pháp luật; chi y tế dân số và gia đình (bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung trong năm theo quy định), chi tiết từng nguồn vốn; trong đó tập trung đánh giá các nội dung:

+ Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có); tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng năm 2025; dự kiến số còn lại đến hết năm 2025 (nếu có); kiến nghị xử lý.

+ Đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2025, dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2026; chi tiết theo từng nguồn vốn; có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn bố trí và thanh toán lũy kế đến hết năm 2024, kế hoạch vốn các năm trước chuyển sang năm 2025, kế hoạch vốn năm 2025 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2025.

+ Đánh giá tình hình, thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thực hiện, giải ngân sang năm 2025, đặc biệt là các dự án chuyển tiếp phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm 2025 và các dự án chuyển tiếp giai đoạn sau theo tiến độ được phê duyệt theo từng dự án cụ thể (chi tiết tổng mức đầu tư, nguồn vốn, kế hoạch vốn bao gồm kế hoạch vốn các năm đã bố trí và kế hoạch vốn các năm trước được cho phép kéo dài sang năm 2025, lũy kế vốn giải ngân từ khởi công, lũy kế vốn thanh toán thuộc kế hoạch

vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025 đến thời điểm báo cáo, tiến độ thực hiện, khó khăn,...).

+ Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án, công trình của địa phương.

2.2. Nhiệm vụ chi thường xuyên

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu có) hoặc dự toán xác định lại theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (gồm dự toán điều chuyển từ các cơ quan cấp huyện về ngân sách tỉnh hoặc ngân sách xã và dự toán hợp nhất của các cơ quan 02 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận (trước đây)); tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi (tiền lương, chi bộ máy...) sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khó khăn, kiến nghị (nếu có).

- Báo cáo tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 theo từng lĩnh vực chi được giao. Trong đó, báo cáo cụ thể chi các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; y tế dân số và gia đình.

- Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trên địa bàn năm 2025, chi tiết số đối tượng hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện cả năm 2025), mức hỗ trợ, thời gian hưởng để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ (mẫu biểu báo cáo theo Biểu số 01 đến Biểu số 01q ban hành kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính).

- Báo cáo công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 (mẫu biểu báo cáo theo Biểu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính).

- Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách chế độ kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các chế độ, chính sách không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành (trong đó, đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng chính sách, chế độ lưu ý rà soát chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo đơn vị hành chính cấp tỉnh trước khi thực hiện sắp xếp để tham mưu trình cấp có thẩm quyền thống nhất chung 01 mức hỗ trợ cho các đối tượng từ năm 2026).

- Báo cáo tình hình tinh giản biên chế, chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2025. Trong đó, chi tiết số đối tượng đã nghỉ đến ngày 30/6/2025, dự kiến nghỉ 6 tháng cuối năm, nhu cầu kinh phí và số kinh phí đã chi trả chính sách quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số

67/2025/NĐ-CP, số đã đề xuất và số dự kiến đề xuất bố trí dự toán trong các tháng cuối năm.

- Đánh giá kinh phí cắt giảm, tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, gồm giảm chi thường xuyên (chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi hoạt động bộ máy); giảm chi ĐTPT (chi nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở...).

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2025 theo các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

- Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025, Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025.

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 sau sắp xếp:

+ Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2025.

+ Nhu cầu kinh phí để thực hiện tiền lương năm 2025.

+ Việc sử dụng các nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương.

+ Việc sử dụng các nguồn lực theo quy định để chi trả chế độ theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và số đề xuất hỗ trợ theo quy định.

+ Tình hình bố trí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình sử dụng dự phòng của NSDP theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật NSNN, trong đó, số bố trí dự toán đầu năm, số đã sử dụng từ nguồn dự phòng NSDP đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2025.

- Tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có).

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 và các năm 2021-2025

Các đơn vị, địa phương đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2025 (chi tiết dự toán các năm trước chuyển sang năm 2025 theo quy định để thực hiện và dự toán năm 2025 được giao – nếu có), khả năng sử dụng và giải ngân phần dự toán chưa giao năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết số 160/2024/QH15 của Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2025 và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có).

II. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2026 phải tuân thủ quy định của pháp luật về NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tập trung xây dựng dự toán bám sát mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, dự toán NSDP năm 2026 đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; ưu tiên nguồn cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu NSNN năm 2026 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước. Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2026 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) bình quân tăng khoảng 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng bình quân khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025.

Toàn bộ số thu từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

Các địa phương xây dựng dự toán thu ngân sách trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Luật NSNN năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Các cơ quan Thuế, Hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu NSNN và chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên trong việc xây dựng dự toán thu NSNN đảm bảo bao quát toàn bộ các nguồn thu trên địa bàn.

Việc xây dựng dự toán thu NSNN đảm bảo tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu ngân sách, không dành dự địa để địa phương giao chỉ tiêu phân đầu thu ngân sách; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2026 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tác động ngân sách do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

2. Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp; các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết theo từng lĩnh vực chi (trong đó, cụ thể hóa mức kinh phí bố trí các lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW - gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên).

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau.

Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2026. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; xác định các khoản giảm chi thường xuyên và chi đầu tư gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho chủ trương.

2.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật; kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án.

- Các đơn vị, chủ đầu tư xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn bội chi NSDP (nếu có); dự toán chi các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài (vốn vay, vốn viện trợ).

- Ủy thác vốn NSDP qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động của các CTMTQG.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất phần NSDP được hưởng theo phân cấp, trong đó ưu tiên để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, CTMTQG Xây dựng nông thôn mới.

2.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

- Trên cơ sở pháp luật NSNN, pháp luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi bảo đảm đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, xác định cụ thể mức tăng giảm so với dự toán năm 2025.

- Đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, sắp xếp, tinh gọn bộ máy; thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách.

- Xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành năm 2026, chi tiết số đối tượng hưởng (đối tượng xây dựng dự toán năm 2026 được xác định trên cơ sở số đối tượng ước thực hiện năm 2025 được hưởng theo chính sách), mức hỗ trợ, thời gian hưởng để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ (mẫu biểu báo cáo theo Biểu số 01 đến Biểu số 01q ban hành kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính).

- Dự toán chi hoạt động năm 2026 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó:

+ Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2025 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, biên chế trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ

và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể làm rõ:

+ Số biên chế năm 2025 (sau sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính) theo Quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền (nếu có), số biên chế dự kiến giảm theo các Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/7/2025.

+ Lập dự toán chi hoạt động thường xuyên theo định mức:

++ Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, các cơ quan lập dự toán chi trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế được giao.

++ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, nhưng năm 2025 đã được giao biên chế: Các cơ quan lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế giao năm 2025 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

++ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2025 và 2026: Các cơ quan lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và số biên chế theo Đề án sắp xếp (nếu có) hoặc theo số biên chế có mặt tại thời điểm 31/12/2024 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

+ Lập dự toán Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định trên cơ sở:

++ Biên chế xác định như trên.

++ Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 lớn hơn số biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2025, quỹ lương được xác định bao gồm: (i) quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/7/2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và (ii) quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Số biên chế được tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt được tính tăng thêm theo chế độ quy định.

++ Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 nhỏ hơn số biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2025, quỹ lương được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và (ii) quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Số biên chế được tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt được tính tăng thêm theo chế độ quy định.

năm 2026 được xác định dựa trên quỹ lương tại thời điểm sắp xếp tính giảm theo chủ trương tinh giản biên chế.

+ Lập dự toán quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

+ Lập dự toán đối với các trường hợp có chính sách hỗ trợ riêng như người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15; hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ.

+ Lập dự toán các khoản chi đặc thù năm 2026 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định) theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các quy định khác có liên quan trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc phạm vi quản lý lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện, tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật theo mục tiêu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của pháp luật có liên quan và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất dự toán kinh phí bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI, kèm thuyết minh chi tiết.

III. Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 theo đúng quy định.

IV. Các mẫu biểu báo cáo

- Đối với dự toán năm 2026: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trong đó lưu ý, các lĩnh vực sự nghiệp áp dụng mẫu biểu số 12.1 đến 12.5) và các mẫu biểu số 01 (từ 01 đến 01q), số 02 (a,b,c,d,e), số 03, số 04 (a,b,c), số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính.

- Đối với kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2026 – 2028:

+ Các địa phương áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

+ Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh áp dụng các mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

V. Thời gian báo cáo

Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương lập, tổng hợp số liệu báo cáo gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15/8/2025**.

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị và các địa phương quan tâm thực hiện và báo cáo đúng thời gian quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tin);
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Sở (p/h báo cáo);
- Lưu: VT, TCHCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Khánh Vân